

Bản án số: 202/2018/DS-ST
Ngày: 17-10-2018
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU PHÚ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm, gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thế Văn

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Trung Thành

Ông Mai Minh Chánh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tâm Nhân là thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Phú

Ngày 17 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 121/2018/TLST-DS ngày 06 tháng 6 năm 2018 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 188/2018/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 9 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Thái Thị Mỹ Y, sinh năm 1983 nơi cư trú: Tổ 12, ấp CH, xã BL, huyện CP, tỉnh An Giang (có mặt).

- *Bị đơn:*

1. Bà Trần Thị T, sinh năm 1972 (vắng mặt)

2. Anh Đồng Văn L, sinh năm 1993 (vắng mặt)

Bà T và anh L cùng cư trú: tổ 04, ấp BM, xã BM, huyện CP, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 28 tháng 5 năm 2018, bà Thái Thị Mỹ Y trình bày: Bà T, anh L có vay tiền của bà nhiều lần, cụ thể như sau:

Ngày 30/9/2015, bà T vay 5.000.000đ;

Ngày 09/10/2015, bà T vay 5.000.000đ;

Ngày 03/02/2016, bà T vay 5.000.000đ;

Ngày 07/8/2016, bà T vay 1.000.000đ;

Các lần vay này bà T đã trả lãi cho bà đến ngày 01/8/2017 thì ngưng đến nay.

Ngày 08/8/2017, bà T và anh L vay tiền của bà 50.000.000đ đến nay không trả vốn và lãi.

Bà Y yêu cầu bà T, anh L trả số tiền vay từ ngày 30/9/2015 đến ngày 07/8/2016 là 16.000.000đ và tiền lãi theo quy định của pháp luật từ ngày 01/8/2017 đến nay và số tiền vay 50.000.000đ và tiền lãi theo quy định của pháp luật từ ngày 08/8/2017 đến nay.

Tại phiên tòa: Bà Y thay đổi yêu cầu, bà Y yêu cầu bà T trả lại 16.000.000đ và tiền lãi theo quy định của pháp luật từ ngày 01/8/2017 đến nay; Đồng thời bà Y yêu cầu bà T, anh L cùng trả lại số tiền 50.000.000đ và tiền lãi theo quy định của pháp luật từ ngày 08/8/2017 đến nay.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phân tích, đánh giá và nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Bà T, anh L là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng bà T, anh L đều vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Bà Y khởi kiện cho rằng bà T vay tiền của bà Y nhiều lần từ ngày 30/9/2015 đến ngày 07/8/2016 tổng cộng là 16.000.000 đồng không có biên nhận nợ; bà T cùng với con là anh L vay tiền của bà Y 50.000.000 đồng có biên nhận nợ ngày 08/8/2017 nhưng đến nay bà T, anh L không thanh toán. Bà T và anh L đã được Ban áp BM, xã BM mời hòa giải 03 lần nhưng không đến, được Tòa án thông báo về yêu cầu khởi kiện của bà Y nhưng không có ý kiến phản đối, xem như bà T và anh L mặc nhiên thừa nhận có nợ bà Y tiền vay tổng cộng 66.000.000 đồng. Tại phiên tòa, bà Y thừa nhận tiền vay 16.000.000 đồng do một mình bà T vay với lãi suất 5%/tháng, trả lãi hàng tháng được đến ngày 01/8/2017, tiền lãi đã trả cho bà Y như sau: 5.000.000 đồng ngày 30/09/2015 trả lãi 22 tháng mỗi tháng 250.000 đồng là 5.500.000 đồng, 5.000.000 đồng ngày 09/10/2015 trả lãi 21 tháng là 5.250.000 đồng, 5.000.000 đồng ngày 03/2/2016 trả lãi 18 tháng 4.500.000 đồng, còn 1.000.000 đồng trả lãi 11 tháng là 550.000 đồng. Như vậy, 16.000.000 đồng vay bà T trả lãi cho bà Y tổng cộng 15.300.000 đồng. Còn khoản vay 50.000.000 đồng ngày 08/08/2017 chưa thanh toán lãi. Bà Y cho bà T và anh L vay tiền nhưng với mức lãi 5%/tháng là cao hơn quy định tại khoản 1 Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005 có mức lãi suất vay tối đa là 13,5%/năm đối với các khoản vay trước ngày 01/01/2017, và quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 có mức lãi suất 20%/năm đối với khoản vay sau ngày 01/01/2017. Do đó, cần phải điều chỉnh lại tiền lãi các khoản

vay cho phù hợp với quy định tại Bộ luật dân sự năm 2005 và Bộ luật dân sự năm 2015. Tiền lãi được tính từ ngày vay đến nay như sau:

- Tiền lãi của 5.000.0000 đồng ngày 30/8/2015: $5.000.0000đ \times 13,5\%/năm \times 03$ năm 01 tháng 17 ngày = 2.113.125 đồng

- Tiền lãi của 5.000.0000 đồng ngày 09/10/2015: $5.000.0000đ \times 13,5\%/năm \times 03$ năm 08 ngày = 2.040.000 đồng.

- Tiền lãi của 5.000.0000 đồng ngày 03/02/2016: $5.000.0000đ \times 13,5\%/năm \times 02$ năm 08 tháng 14 ngày = 1.826.250 đồng

- Tiền lãi của 1.000.0000 đồng ngày 07/8/2016: $1.000.0000đ \times 13,5\%/năm \times 02$ năm 02 tháng 10 ngày = 296.250 đồng.

- Tiền lãi của 50.000.0000đ vay ngày 08/8/2017: $50.000.0000đ \times 20\%/năm \times 01$ năm 02 tháng 09 ngày = 11.916.665 đồng

Như vậy, tổng lãi của khoản vay 16.000.000 đồng là 6.275.625 đồng nhưng bà Y đã nhận tiền lãi 15.300.000 đồng vượt quá quy định là 9.024.375 đồng. Phần tiền nhận vượt được trừ vào vốn vay 16.000.000 đồng, tiền vốn còn lại là 6.975.625 đồng.

Về trách nhiệm thanh toán: Bà T vay bà Y 16.000.000 đồng nhưng được trừ lãi vượt quá nên bà T còn phải trả vốn là 6.975.625 đồng. Bà T và anh L cùng vay 50.000.000 đồng nên hai người cùng có nghĩa vụ liên đới trả tiền vốn 50.000.000 đồng và lãi 11.916.665 đồng, tổng cộng 61.916.665 đồng.

[3] Về án phí:

Bà T phải chịu 348.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà T và anh L cùng phải chịu 3.095.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Y không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 474, Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 468, khoản 2 Điều 469 của Bộ luật dân sự 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Thái Thị Mỹ Y đối với bị đơn bà Trần Thị T và anh Đồng Văn L.

Buộc bà Trần Thị T trả lại cho bà Y số tiền vốn 6.975.625 (Sáu triệu chín trăm bảy mươi lăm nghìn sáu trăm hai mươi lăm đồng)

Buộc bà Trần Thị T và anh Đồng Văn L có nghĩa vụ liên đới trả lại cho bà Y số tiền vốn 50.000.000 đồng và lãi 11.916.665 đồng, tổng cộng 61.916.665 (Sáu mươi một triệu chín trăm mười sáu nghìn sáu trăm sáu mươi lăm đồng)

Kể từ ngày bà Y có đơn yêu cầu thi hành án, bà T và anh L không thanh toán số tiền trên thì hàng tháng còn phải chịu theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

Bà T phải chịu 348.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà T và anh L cùng phải chịu 3.095.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Y không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại bà Y tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp 1.650.000 đồng theo biên lai số 0002297 ngày 06 tháng 6 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CP.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày được tính từ ngày tuyên án. Bà T, anh L vắng mặt thời hạn kháng cáo 15 ngày được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trương hợp Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Phú;
- Lưu: hồ sơ vụ án, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thế Văn